

Topic 32B: Bedroom and bathroom

Ex 1: Sắp xếp các chữ cái để có từ hoàn chỉnh và nối với nghĩa tương ứng:

___l___	1. Singel dbe	_____	a. Chậu rửa mặt
_____	2. dedeiBs etlab	_____	b. Tủ ngăn kéo
_____	3. shCet of redarsw	_____	c. Gương
_____	4. rsWdboare	_____	d. Khăn tắm
_____	5. Baht	_____	e. Vòi hoa sen
_____	6. Sorehw	_____	f. Bàn đầu giường
_____	7. bnWiahsas	_____	g. Tủ quần áo
_____	8. ioMrrr	_____	h. Bồn vệ sinh
_____	9. ietlTo	_____	i. Chậu rửa vệ sinh
_____	10.diBte	_____	j. Ga trải giường
_____	11.ehtsSe	_____	k. Bồn tắm
_____	12.lTsweo	_____	l. Giường đơn

Ex 2: Nghe và chọn cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống:

Our rooms are all newly (1)____a____, and include: a single bed, (2)_____, desk and chair, chest of drawers and wardrobes. There are three bathrooms on each(3)_____: each has a bath, shower, (4)_____, (5)_____, toilet and bidet. We provide blankets, but (6)_____must bring their own sheets and towels.

- | | |
|-------------------------|-------------|
| a. furnished | d. students |
| b. washbasin | e. mirror |
| c. bedside table | f. floor |

Ex 3: -Viết lại các câu sau theo thứ tự đúng để tạo thành đoạn văn hoàn chỉnh.
 -Thay một số thông tin của bạn vào bài văn và quay video gửi lên nhóm*.

- a) a single bed, bedside table, desk and chair, chest of drawers and wardrobes.
- b) but students must bring their own sheets and towels.
- c) each has a bath, shower, washbasin, mirror, toilet and bidet.
- d) Our rooms are all newly furnished, and include:
- e) There are three bathrooms on each floor:
- f) We provide blankets,

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*Quét mã QR code để gửi video lên nhóm facebook và nhận góp ý, quà tặng.

